

Bản án số: 475/2018/HSPT

Ngày: 31/10/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: 1. Bà Quách Thanh Bình.

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2018 và ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm Vụ án hình sự thụ lý số 280/2018/HSPT ngày 05/7/2018 bị cáo Nguyễn Trung H, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo: Nguyễn Trung H; Sinh ngày: 10/8/2000; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh A; Chỗ ở: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà: Nguyễn Thị L; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1961 - là mẹ của bị cáo; Thường trú: khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh A; Chỗ ở: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Huỳnh Khắc Th - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

+ Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị U; Sinh năm: 1951; Thường trú: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Chết ngày 18/9/2017.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ:

1. Ông Triệu Nam S; sinh năm 1945.
2. Bà Triệu Thị Thanh L; sinh năm 1970.
3. Bà Triệu Thị H; sinh năm 1972.
4. Bà Triệu Thanh H; sinh năm 1974.

Cùng cư trú: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (tất cả vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo kết luận điều tra, cáo trạng, bản án sơ thẩm thì diễn biến sự việc như sau:

Khoảng 19 giờ 30 ngày 17/9/2017, Nguyễn Trung H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 67H1-400.74 lưu thông trên đường ĐT7 hướng từ đường Trịnh Thị Dối đến xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn. Khi đến trước nhà xã Đ, huyện H, H đã đụng vào bà Nguyễn Thị U đang đi bộ băng từ lề trái qua lề phải đường ĐT cùng chiều xe H lưu thông. Bà U đã chết tại bệnh viện Quân y 175. Theo bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1184/TT.17 ngày 16/10/2017, nguyên nhân bà Nguyễn Thị U chết là do “chấn thương sọ não”.

Theo xét nghiệm của bệnh viện ĐKKV Hóc Môn, thời điểm gây tai nạn Nguyễn Trung H có nồng độ rượu trong máu là 229mg/dl (=229mg/100ml). Bị cáo không có giấy phép lái xe.

Về dân sự: bị cáo và mẹ bị cáo đã bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị U số tiền 20.000.000đ. Gia đình người bị hại không có yêu cầu thêm.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 67H1-400.74 do bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của bị cáo đứng tên chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L.

2. Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS-HM ngày 12/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự.

3. Bản án số 69/2018/HSST ngày 28/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 202, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Đồng thời bản án tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 31/5/2018, bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án xin cho bị cáo được hưởng án treo.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1 Gia đình người bị hại đã không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ;

5.2 Bị cáo khai nhận sự việc như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo thừa nhận trước khi xảy ra tai nạn, do có người mượn xe bị cáo nên trong lúc chờ, bị cáo có uống bia với những người làm cùng khoảng 01 tiếng sau thì chạy xe về nhà. Bị cáo chạy về gần nhà thì xảy ra tai nạn; Bị cáo thừa nhận tại thời điểm gây tai nạn, bị cáo không có bằng lái xe. Do có men rượu, chủ quan thời điểm ban đêm, ít người qua lại, chạy với tốc độ nhanh nên khi bà Út tránh chiếc xe bên cạnh bất ngờ xuất hiện trước đầu xe, bị cáo đã không phát hiện kịp, không làm chủ được tốc độ, tông mạnh vào bà U, làm bà U té văng xuống đường, chấn thương sọ não dẫn đến tử vong.

5.3 Đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Bị cáo mất cha từ nhỏ, hai mẹ con nương nhau sống. Ở quê vất vả hai mẹ con đưa nhau lên đây, bị cáo đi làm phụ hồ, bà bán bánh mì sống qua ngày. Khi xảy ra sự việc, bà đã vào ngay bệnh viện, sau khi bà U mất đưa về nhà, bà đã ở suốt tại nhà bà U cùng gia đình bà U lo ma chay. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn, bà chỉ vay mượn và hỗ trợ được cho gia đình người bị hại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Gia đình người bị hại có báo với bà không đến Tòa vì họ không muốn nhắc chuyện này, họ cũng có nói đã tha thứ cho bị cáo vì sự việc ngoài ý muốn. Bà xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để ở chăm sóc cho bà lúc đêm tối, phòng khi ốm đau, bệnh tật.

5.4 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung a, b khoản 2 Điều 202 để tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã không xem xét tình tiết người bị hại trong vụ án cũng có lỗi. Điều này làm sai lệch bản chất vụ việc, từ đó đã không xem xét tình tiết gia đình người bị hại đã bãi nại cho bị cáo là có thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa một phần bản bản sơ thẩm, tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

5.5 Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Luật sư không có ý kiến về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, vụ tai nạn giao thông xảy ra có phần lỗi vi phạm giao thông của người bị hại. Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo mất cha từ nhỏ, chỉ có hai mẹ con nương tựa. Do đó, luật sư đồng quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

5.6 Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo rất hối hận và xin gia đình người bị hại tha thứ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN THẤY:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung Hiếu phù hợp với quy định tại Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên được chấp nhận.

2. Về nội dung kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trung H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Xét thấy, căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1184/TT.17 ngày 16/10/2017, nguyên nhân bà Nguyễn Thị U chết là do “chấn thương sọ não”. Xét nghiệm của bệnh viện ĐKKV Hóc Môn, thời điểm gây tai nạn Nguyễn Trung H có nồng độ rượu trong máu là 229mg/dl (229mg/100ml); khi phạm tội bị cáo không có giấy phép điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản xác minh hệ thống báo hiệu đường bộ tại thời điểm, địa điểm xảy ra tai nạn là đoạn đường ĐT7 trước nhà số xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là đoạn đường thẳng, được tráng nhựa tương đối bằng phẳng, được áp dụng lưu thông hai chiều, mỗi chiều 2,9m, ở giữa hai chiều có vạch sơn không liên tục để chia phần đường, không có lắp đặt biển báo hiệu giới hạn vận tốc của xe, không có vạch sơn kẻ đường dành cho người đi bộ. “Sau tai nạn xe mô tô số 67H1-400.74 ngã trên phần đường dành cho xe hướng đường lề chuẩn”. Vết cày xe máy dài 3,1m nằm trên vị trí hướng xe đi đúng chiều, cách lề 1,2m;

Căn cứ lời khai của bị cáo, người làm chứng, kết quả khám nghiệm tại hiện trường có đủ cơ sở xác định vụ án tai nạn giao thông dẫn đến chết người là do bị cáo và người bị hại đều có hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ:

- Bị cáo điều khiển phương tiện xe mô tô có dung tích xilanh 109cm³ nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, điều khiển xe trong tình trạng có sử dụng rượu bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định (mức quy định là 50mg/100ml), không thận trọng quan sát nhường đường cho người đi bộ. Vi phạm Điều 8,11,58,60 Luật Giao thông đường bộ.

- Người bị hại băng qua đường tại nơi không có vạch kẻ dành cho người đi bộ, không quan sát phía trước để đảm bảo an toàn giao thông. Vi phạm Điều 32 Luật Giao thông đường bộ.

Khi phạm tội, bị cáo 17 tuổi 01 tháng 07 ngày, đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý. Bị cáo không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ mà còn xâm phạm đến tính mạng của người khác. Tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã không nhận định trong vụ án này có hành vi vi phạm giao thông của người bị hại là không đúng bản chất sự việc. Từ đó không xem xét tình tiết giảm nhẹ “người bị hại cũng có lỗi” và tình tiết gia đình người bị hại đã bãi nại cho bị cáo, không yêu cầu thêm phần dân sự (BL 53,56) là có thiếu sót trong việc đánh giá toàn diện vụ án.

Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): người bị hại có lỗi; gia đình người bị hại đã bãi nại cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt; lần đầu phạm tội; có hoàn cảnh gia đình đơn chiếc.

Từ khi được tại ngoại điều tra, bị cáo chí thú làm ăn phụ giúp mẹ, có công việc và nơi cư trú ổn định. Do đó, việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo.

Những vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H. Sửa bản án sơ thẩm:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó

phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với bản án mới.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016, khoản 2 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Trung H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (4)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư Pháp; (1)
- Trại giam (PC81B); (3)
- P.PC53 – CATP; (1)
- TAND, VKSND, THA, Công an huyện H; (4)
- Những người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ. (7) (T/26)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp

